



Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31/12/2024



Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	01 - 03
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	04 - 05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 41

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798, thay đổi lần 14 ngày 22 tháng 08 năm 2023 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 30.415.420.000 đồng

**Trụ sở của Công ty:** Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

**Điện thoại:** (0274) 3 749 080

**Fax:** (0274) 3 749 287

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Lâm Thành Lâm – Giám đốc Công ty

### **Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;  
Cho thuê mặt bằng nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);

**Mô hình hoạt động:** Công ty có 01 Chi nhánh và 01 Công ty con.

**Tên Chi nhánh:** Chi nhánh Bình Phước – Công ty CP Gạch Ngói Nhị Hiệp

**Hoạt động chính:** Sản xuất đá xây dựng

**Địa chỉ:** Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

**Công ty con được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024**

**Tên công ty con:** Công ty Cổ Phần Sông Phan

**Hoạt động chính:** Sản xuất gạch xây dựng

**Địa chỉ:** Thôn An Bình, Xã Sông Phan, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

**Số điện thoại:** (0252) 3 606 143

**Fax:** (0252) 3 877 700

**Công ty con không được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024:** không.

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Sau ngày kết thúc năm tài chính 2024 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

### **Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám Đốc và Kế toán trưởng :**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám Đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

**Hội đồng quản trị Công ty**

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Chủ tịch	22/4/2022	-
- Ông Nguyễn Quốc Bình	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022	-
- Bà Lâm Thị Mai	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022	-
- Ông Phạm Thanh Liêm	Việt Nam	Thành viên	19/4/2024	-
- Bà Bùi Hoài Châu	Việt Nam	Thành viên	19/4/2024	-
		ĐQT độc lập		
- Ông Mai Anh	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022	19/4/2024
- Ông Lê Minh Hoàng	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022	19/4/2024
		ĐQT độc lập		

**Ban kiểm soát**

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Huỳnh Minh Tâm	Việt Nam	Trưởng ban	22/4/2022
- Bà Phan Thị Thuỳ Hương	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022
- Ông Hồ Huyền Trang	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022

**Ban Giám đốc Công ty**

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Lâm Thành Lâm	Việt Nam	Giám đốc	01/8/2023

**Kế toán trưởng**

- Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Việt Nam		01/06/2006
----------------------------	----------	--	------------

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác kiểm toán cho báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**

Số 1/8 KP Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán áp dụng. Đồng thời chịu trách nhiệm trong việc quản lý các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025



**LÂM THÀNH LÂM**

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**NGUYỄN HỒNG CHÂU**

Số: 280 /BCKT/TC/2025/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất  
của Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp và Công ty con  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Kính gửi : CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp và Công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/3/2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp và Công ty con tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**



**Lê Kim Ngọc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0181-2023-142-1

**Kiểm toán viên**

**Chu Thế Bình**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1858-2023-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>24.956.780.216</b>	<b>53.739.652.179</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>8.307.354.735</b>	<b>3.032.222.405</b>
1. Tiền	111		1.007.354.735	1.832.222.405
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.300.000.000	1.200.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6.2</b>	<b>3.437.100</b>	<b>37.028.795.200</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		26.044.046	26.044.046
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		(22.606.946)	(22.248.846)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	37.025.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.574.339.003</b>	<b>2.654.787.429</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>6.3</b>	6.453.539.651	1.325.898.307
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>6.4</b>	10.573.458	1.156.947.164
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>6.5.1</b>	280.333.821	314.188.206
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	<b>6.3</b>	(170.107.927)	(142.246.748)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6.6</b>	<b>4.967.806.360</b>	<b>10.361.496.093</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.281.983.708	10.455.029.894
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(314.177.348)	(93.533.801)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.103.843.018</b>	<b>662.351.052</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>6.7.1</b>	848.877.501	23.530.293
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.070.787.968	469.966.863
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	<b>6.13</b>	184.177.549	168.853.896
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>69.165.563.588</b>	<b>11.184.509.120</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>473.600.614</b>	<b>473.600.614</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	<b>6.5.2</b>	473.600.614	473.600.614
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>64.636.191.678</b>	<b>7.942.298.564</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>6.8</b>	64.127.961.316	7.415.760.330
- Nguyên giá	222		81.173.679.529	22.198.963.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.045.718.213)	(14.783.202.674)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>6.9</b>	508.230.362	526.538.234
- Nguyên giá	228		860.470.113	860.470.113
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(352.239.751)	(333.931.879)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>6.10</b>	<b>1.180.803.632</b>	<b>1.223.339.480</b>
- Nguyên giá	231		1.999.184.634	1.999.184.634
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(818.381.002)	(775.845.154)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.874.967.664</b>	<b>1.545.270.462</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>6.7.2</b>	2.874.967.664	1.347.053.661
2. Lợi thế thương mại	269		-	198.216.801
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>94.122.343.804</b>	<b>64.924.161.299</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>39.242.084.285</b>	<b>10.521.284.669</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.734.606.921</b>	<b>9.980.884.799</b>
1. Phải trả cho người bán	311	6.11	37.314.975.158	1.318.640.924
2. Người mua trả tiền trước	312	6.12	49.392.777	18.290.907
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	6.13	11.523.647	444.977.927
4. Phải trả công nhân viên	314		545.946.000	296.657.440
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.14	85.000.000	90.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	6.15	666.251.129	297.342.282
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	6.16	-	7.437.830.866
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		61.518.210	77.144.453
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>507.477.364</b>	<b>540.399.870</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		507.477.364	540.399.870
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54.880.259.519</b>	<b>54.402.876.630</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.17</b>	<b>54.880.259.519</b>	<b>54.402.876.630</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.415.420.000	30.415.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.415.420.000	30.415.420.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		209.074.994	209.074.994
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.242.692.505	23.242.692.505
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		910.414.350	407.798.595
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		361.559.795	1.428.554.440
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		548.854.555	(1.020.755.845)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		102.657.670	127.890.536
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>94.122.343.804</b>	<b>64.924.161.299</b>

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

LÂM THÀNH LÂM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	49.641.461.608	13.624.704.204
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.1	11.605.237	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>7.1</b>	<b>49.629.856.371</b>	<b>13.624.704.204</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	42.664.165.575	8.523.494.672
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6.965.690.796</b>	<b>5.101.209.532</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.3	819.257.819	2.130.878.732
7. Chi phí tài chính	22	7.4	652.533.552	1.206.930.558
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.293.438	
8. Chi phí bán hàng	25	7.5	1.257.064.216	761.103.195
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	4.401.664.702	5.688.744.954
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.473.686.145</b>	<b>(424.690.378)</b>
11. Thu nhập khác	31	7.7	653.461.481	116.673.497
12. Chi phí khác	32	7.8	1.416.772.095	159.985.400
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(763.310.614)</b>	<b>(43.311.903)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>710.375.531</b>	<b>(468.002.281)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	219.676.347	148.299.189
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.10	(32.922.505)	426.337.935
<b>17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>523.621.689</b>	<b>(1.042.639.405)</b>
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		548.854.555	(1.020.755.845)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(25.232.866)	(21.883.560)
18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	7.11	162	(336)
19. Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	71	7.12	162	(336)

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Shun*

*Shun*

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG



LÂM THÀNH LÂM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>710.375.531</b>	<b>(468.002.281)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.288.948.292	2.198.796.918
- Các khoản dự phòng	03		248.862.826	(159.538.967)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.260.461.358)	(2.002.393.296)
- Chi phí lãi vay	06		54.293.438	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>3.042.018.729</b>	<b>(431.187.626)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.712.846.384)	(1.177.194.384)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.173.046.186	785.214.534
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.248.649.807	295.707.478
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.353.261.211)	(147.378.001)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	571.732.289
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54.293.438)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(240.200.000)	(28.337.312)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(56.665.044)	(266.586.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.046.448.645</b>	<b>(397.979.122)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(37.923.753.775)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		653.461.481	45.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.738.721.644)	(37.025.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.763.721.644	31.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		911.806.845	2.120.449.437
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>666.514.551</b>	<b>(3.859.096.018)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu (1)	Mã số (2)	Thuyết minh (3)	Năm nay (4)	Năm trước (5)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.2	-	7.437.830.866
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	8.3	(7.437.830.866)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.737.387.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.437.830.866)</b>	<b>4.700.443.066</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>5.275.132.330</b>	<b>443.367.926</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6.1</b>	<b>3.032.222.405</b>	<b>2.588.854.479</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.1</b>	<b>8.307.354.735</b>	<b>3.032.222.405</b>

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

LÂM THÀNH LÂM

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**1. Đặc điểm hoạt động của Công ty****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798 (thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 08 năm 2023) với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

**Vốn điều lệ của Công ty được thay đổi qua các năm như sau:**

Thay đổi lần thứ 1 ngày 01/07/2002 với vốn điều lệ là 11.204.100.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 2 ngày 05/05/2003 với vốn điều lệ là 12.324.510.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2004 với vốn điều lệ là 12.816.970.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 4 ngày 20/09/2005 với vốn điều lệ là 13.360.610.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2007 với vốn điều lệ là 14.354.790.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2008 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 7 ngày 25/05/2010 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 8 ngày 02/04/2013 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 9 ngày 06/08/2014 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 10 ngày 24/04/2015 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 11 ngày 19/10/2017 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 12 ngày 27/05/2020 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 13 ngày 08/12/2020 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;  
Thay đổi lần thứ 14 ngày 22/08/2023 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;

**Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024: 30.415.420.000 đồng.**

**Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty là công ty liên kết của : Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương;
- Công ty có 01 chi nhánh : Chi nhánh Bình Phước – Công ty CP Gạch Ngói Nhị Hiệp.
- Công ty có 01 công ty con : Công ty Cổ phần Sông Phan
- Số lượng công ty con được hợp nhất : 01 Công ty
- Số lượng công ty con không được hợp nhất : 0 Công ty



# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất

1/8 Quyết Thắng, P.Bình Thắng, TP. Dĩ An, Bình Dương Cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Công ty con được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024

#### Thông tin về công ty con

Tên công ty con: Công ty Cổ Phần Sông Phan

Địa chỉ: Thôn An Bình, Xã Sông Phan, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Số điện thoại: 0252 3 606 143

Fax: 0252 3 877 700

Ngày 10/05/2016 được xác định là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ Phần Sông Phan.

#### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

##### 2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ phần Sông Phan bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

##### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

##### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### 3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

#### 4. Cơ sở hợp nhất

##### (a) Công ty con

Công ty con là những đơn vị mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Quyền biểu quyết tiềm tàng có thể được thực thi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty mẹ có quyền kiểm soát đơn vị hay không. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

##### (b) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### (c) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các số dư, giao dịch trong nội bộ và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào các khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty mẹ tại Công ty liên doanh, liên kết.

**(d) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**5. Các chính sách kế toán áp dụng****5.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:** Là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền** là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: Theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Vàng tiền tệ: Theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

**5.2. Nguyên tắc xác định các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác nhằm mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

172  
IG T  
IHH  
U TU  
H KÉ  
MT  
A NA  
P H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm báo cáo và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn:** Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**5.3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **5.4. Nguyên tắc ghi nhận khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo.

**5.5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư****Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty trích khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư vào chi phí SXKD đối với TSCĐ, bất động sản đầu tư có liên quan đến SXKD.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và bất động sản đầu tư :** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

**Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	04-25	năm
Máy móc, thiết bị	05-15	năm
Thiết bị văn phòng	05-08	năm
Phương tiện vận tải	10	năm
Quyền sử dụng đất	49	năm

**5.6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

**5.7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và chi phí khác**

**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:** Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

**Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác**

- **Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.
- **Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

**5.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**5.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận là chi phí sản xuất hoạt động trong kỳ báo cáo theo điều khoản trong các hợp đồng tương ứng.

**5.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

#### **5.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

##### **Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

**5.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

**5.13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh

0117  
CÔNG  
TNH  
H VỤ T  
HÌNH K  
KIỂM T  
PHÍA NA  
T.P.H

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**5.14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**5.15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**5.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**5.17. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	289.144.919	59.693.804
Tiền gửi ngân hàng	718.209.816	1.772.528.601
Các khoản tương đương tiền	7.300.000.000	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.307.354.735</u></b>	<b><u>3.032.222.405</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**

Số 1/8 Quyết Thắng, P.Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**6 .2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm					
	Số CP sở hữu	Giá trị gốc	Dự phòng	Số CP sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>a. Chứng khoán kinh doanh</i>								
Công ty CP Xuất khẩu lao động (ILC)	500	25.480.000	(22.580.000)	500	2.900.000	25.480.000	(22.180.000)	3.300.000
Cổ phiếu khác	61	564.046	(26.946)	61	537.100	564.046	(68.846)	495.200
<b>Cộng</b>	<b>561</b>	<b>26.044.046</b>	<b>(22.606.946)</b>	<b>561</b>	<b>3.437.100</b>	<b>26.044.046</b>	<b>(22.248.846)</b>	<b>3.795.200</b>

Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định dựa trên giá đóng cửa lần lượt tại ngày 31/12/2024 và 29/12/2023.

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống	-	-	37.025.000.000	37.025.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>37.025.000.000</b>	<b>37.025.000.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**6 .3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
- Công ty TNHH Bê Tông Xanh DNP		2.318.365.798		-
- Công ty CP Siêu thị VLXD Thế Giới Nhà		788.295.099		-
- Công ty TNHH Bê Tông Hồng Tín Bình Dương		1.255.274.598		432.055.905
- Công ty TNHH Phúc Phương		151.805.896		156.805.896
- Công ty TNHH Hồng Tín Bình Phước		57.656.335		389.439.013
- Công ty CP TM SX XNK Nam Tiến		78.059.672		40.831.707
- Công ty TNHH MTV Đại Thân Thiện		5.000.827		23.561.827
- Công ty TNHH Ngọc Quí		-		14.362.791
- Công ty TNHH Ngọc Hải		3.739.120		3.739.120
- Các đối tượng khác		1.795.342.306		265.102.548
<b>Cộng</b>		<b>6.453.539.651</b>		<b>1.325.898.807</b>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		(170.107.927)		(142.246.748)
<b>Giá trị thuần</b>		<b>6.283.431.724</b>		<b>1.183.652.059</b>

**6 .4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
- Công ty TNHH Địa chất & Môi trường Bình Thuận		-		350.000.000
- Công ty TNHH Gia Thịnh Hàm Tân		-		800.000.000
- Công ty khác		10.573.458		6.947.164
<b>Cộng</b>		<b>10.573.458</b>		<b>1.156.947.164</b>

**6 .5 PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>6.5.1 Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	216.796.000	-	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	17.753.500	-	182.366.026	-
- Khác	45.784.321	-	131.822.180	-
<b>Cộng</b>	<b>280.333.821</b>	<b>-</b>	<b>314.188.206</b>	<b>-</b>

**6 .5 PHẢI THU KHÁC ( TIẾP THEO )**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>6.5.2 Dài hạn</b>				
- Ký quỹ phục hồi môi trường mỏ sét	473.600.614	-	473.600.614	-
<b>Cộng</b>	<b>473.600.614</b>	<b>-</b>	<b>473.600.614</b>	<b>-</b>

**6 .6 HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	-	-	5.340.854	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.131.026.115	(290.144.804)	3.053.774.715	(54.970.660)
- Công cụ, dụng cụ	456.690.791	-	427.510.697	-
- Chi phí SXKD dở dang	4.285.000	-	-	-
- Thành phẩm	71.703.266	(24.032.544)	228.109.917	(38.563.147)
- Hàng hóa	3.618.278.536	-	6.740.293.711	-
<b>Cộng</b>	<b>5.281.983.708</b>	<b>(314.177.348)</b>	<b>10.455.029.894</b>	<b>(93.533.801)</b>

- Hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 863.430.737 đồng và thời điểm đầu năm là 93.533.801 đồng;

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm cuối năm và đầu năm;

**6 .7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>6.7.1. Ngắn hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	848.877.501	-
- Công cụ dụng cụ	-	23.530.293
<b>Cộng</b>	<b>848.877.501</b>	<b>23.530.293</b>
<b>6.7.2. Dài hạn</b>		
- Chi phí đền bù đất mỏ sét	670.326.026	714.523.346
- Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	924.860.745	632.530.315
- Chi phí khác	1.279.780.893	-
<b>Cộng</b>	<b>2.874.967.664</b>	<b>1.347.053.661</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**

Số 1/8 Quyết Thắng, P. Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**6.8 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	15.414.909.001	4.403.259.710	2.380.794.293	-	-	22.198.963.004
Số tăng trong năm	30.500.000	60.050.000.000	-	-	-	60.080.500.000
- Mua trong năm	30.500.000	60.050.000.000	-	-	-	60.080.500.000
Số giảm trong năm	-	745.283.475	360.500.000	-	-	1.105.783.475
- Thanh lý, nhượng bán	-	745.283.475	360.500.000	-	-	1.105.783.475
Số dư cuối năm	15.445.409.001	63.707.976.235	2.020.294.293	-	-	81.173.679.529
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	(9.131.878.956)	(4.168.700.960)	(1.482.622.758)	-	-	(14.783.202.674)
Số tăng trong năm	(588.745.616)	(2.446.585.931)	-	(192.773.025)	-	(3.228.104.572)
- Khấu hao trong năm	(588.745.616)	(2.446.585.931)	-	(192.773.025)	-	(3.228.104.572)
Số giảm trong năm	-	(745.283.475)	(220.305.558)	-	-	(965.589.033)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(745.283.475)	(220.305.558)	-	-	(965.589.033)
Số dư cuối năm	(9.720.624.572)	(5.870.003.416)	(1.262.317.200)	(192.773.025)	-	(17.045.718.213)
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	6.283.030.045	234.558.750	898.171.535	-	-	7.415.760.330
Tại ngày cuối năm	5.724.784.429	57.837.972.819	757.977.093	(192.773.025)	-	64.127.961.316

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**6.9 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	860.470.113	860.470.113
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	860.470.113	860.470.113
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	(333.931.879)	(333.931.879)
Số tăng trong kỳ	(18.307.872)	(18.307.872)
- Khấu hao trong năm	(18.307.872)	(18.307.872)
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(352.239.751)	(352.239.751)
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	526.538.234	526.538.234
Tại ngày cuối năm	508.230.362	508.230.362
<b>Ghi chú:</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay	Không có	Không có
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	Không có	Không có

(\*) Quyền sử dụng đất có hiệu lực đến ngày 23/7/2052.

**6 .10 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>1.999.184.634</b>	-	-	<b>1.999.184.634</b>
- Quyền sử dụng đất (*)	1.999.184.634	-	-	1.999.184.634
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>(775.845.154)</b>	<b>(42.535.848)</b>	-	<b>(818.381.002)</b>
- Quyền sử dụng đất	(775.845.154)	(42.535.848)	-	(818.381.002)
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>1.223.339.480</b>	-	-	<b>1.180.803.632</b>
- Quyền sử dụng đất	1.223.339.480	-	-	1.180.803.632
<b>Ghi chú:</b>			<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay			Không có	Không có
- Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá			Không có	Không có
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác			Không có	Không có
(*) Quyền sử dụng đất có hiệu lực đến ngày 23/7/2052.				

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**

Số 1/8 Quyết Thắng, P.Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**6 .11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	27.400.000.000	27.400.000.000	-	-
- Công ty CP Đá Núi Nhỏ (*)	5.327.492.814	5.327.492.814	33.445.298	33.445.298
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (*)	3.930.591.082	3.930.591.082	1.161.197.855	1.161.197.855
- Công ty Điện Lực Bình Dương	-	-	53.639.713	53.639.713
- Các công ty khác	656.891.262	656.891.262	70.358.058	70.358.058
<b>Cộng</b>	<b>37.314.975.158</b>	<b>37.314.975.158</b>	<b>1.318.640.924</b>	<b>1.318.640.924</b>

(\*) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan.

**6 .12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	- Công ty Cổ Phần An Minh	15.000.000
- Công ty TNHH TM & XD Thiên Phước Lộc	2.175.526	2.175.526
- Công ty khác	32.217.251	8.190.511
<b>Cộng</b>	<b>49.392.777</b>	<b>18.290.907</b>

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**

Số 1/8 Quyết Thắng, P.Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**6 .13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm	
	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	trong năm	trong năm	trong năm	trong năm	Thuế phải thu	Thuế phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	430.815.892	128.115.919	558.931.811	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.853.896	-	224.876.347	240.200.000	184.177.549	-	-	
Thuế thu nhập cá nhân	-	14.142.235	17.129.332	19.747.920	-	-	11.523.647	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	104.879.661	104.879.661	-	-	-	
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-	-	
Các thuế khác	-	19.800	66.075.038	66.094.838	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>168.853.896</b>	<b>444.977.927</b>	<b>548.076.297</b>	<b>996.854.230</b>	<b>184.177.549</b>	<b>11.523.647</b>		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**

Số 1/8 Quyết Thắng, P.Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6 .14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí khác	85.000.000	90.000.000
<b>Cộng</b>	<b>85.000.000</b>	<b>90.000.000</b>

**6 .15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	27.033.200	20.067.900
- Nhận ký quỹ, ký cược	270.000.000	270.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	369.217.929	7.274.382
<b>Cộng</b>	<b>666.251.129</b>	<b>297.342.282</b>

**6 .16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Các khoản vay và nợ thuê tài chính</b>		
Ngân hàng BIDV- CN DĨ AN BÌNH DƯƠNG (*)	-	7.437.830.866
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>7.437.830.866</b>

**(\*) Hợp đồng vay vốn số: 01/2023/83497/HĐTD**

Hạn mức cho vay: 15.000.000.000 VNĐ (Mười lăm tỷ đồng)

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày nhận khoản vay

Lãi suất: 3,4%/năm từ ngày 29/12/2023 đến 31/12/2023

Số dư tại thời điểm 31/12/2024 là 0 đồng

Biện pháp bảo đảm: Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2023/83497/HĐBĐ ngày 29/12/2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**

Số 1/8 Quyết Thắng, P.Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**6.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**6.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>30.415.420.000</b>	<b>209.074.994</b>	-	<b>23.242.692.505</b>	<b>4.465.676.638</b>	<b>149.774.096</b>	<b>58.482.638.233</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	(1.020.755.845)	(21.883.560)	(1.042.639.405)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành</i>	-	-	-	-	(299.734.400)	-	(299.734.400)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.737.387.800)	-	(2.737.387.800)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>30.415.420.000</b>	<b>209.074.994</b>	-	<b>23.242.692.505</b>	<b>407.798.595</b>	<b>127.890.536</b>	<b>54.402.876.630</b>
(Số dư đầu năm nay)	-	-	-	-	548.854.555	(25.232.866)	523.621.689
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	-	-	-
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, thưởng ban điều hành</i>	-	-	-	-	(46.238.800)	-	(46.238.800)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>30.415.420.000</b>	<b>209.074.994</b>	-	<b>23.242.692.505</b>	<b>910.414.350</b>	<b>102.657.670</b>	<b>54.880.259.519</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

**6.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP Vật liệu & Xây Dựng Bình Dương	9.137.940.000	9.137.940.000
- Công ty CP Đá Núi Nhỏ	5.952.420.000	-
- Ông Nguyễn Thái Ngọc	-	3.290.000.000
- Bà Lâm Thị Mai	2.848.000.000	2.848.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	12.477.060.000	15.139.480.000
<b>Cộng</b>	<b><u>30.415.420.000</u></b>	<b><u>30.415.420.000</u></b>

Công ty không phát hành trái phiếu

**6.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.415.420.000	30.415.420.000
+ Vốn góp cuối năm	30.415.420.000	30.415.420.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.737.387.800

**6.17.4. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.041.542	3.041.542
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.041.542	3.041.542
+ Cổ phiếu phổ thông	3.041.542	3.041.542
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.041.542	3.041.542
+ Cổ phiếu phổ thông	3.041.542	3.041.542
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**6.17.5. Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	:	không phát sinh	9%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	:	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	:	không phát sinh	không phát sinh

**6.17.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	23.242.692.505	23.242.692.505

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Doanh thu bán hàng hóa (gạch, đá, cát)
- Doanh thu thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu khác

**Cộng**

**Trong đó, giao dịch với các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Vật Liệu & Xây Dựng Bình Dương (Cổ đồng lớn)

**CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

**DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	35.189.202.378	6.096.784.394
	145.677.851	2.170.355.094
	12.970.010.715	5.357.564.716
	1.336.570.664	-
	<b>49.641.461.608</b>	<b>13.624.704.204</b>

7.147.493.370

17.000.000

11.605.237

49.629.856.371

13.624.704.204

**7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn bán hàng hóa (gạch, đá, cát)
- Giá vốn thành phẩm
- Giá vốn cung cấp dịch vụ
- Giá vốn khác
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	33.273.147.268	6.130.936.931
	156.406.651	1.774.260.203
	7.105.395.585	780.343.964
	1.908.572.524	-
	220.643.547	(162.046.426)
	<b>42.664.165.575</b>	<b>8.523.494.672</b>

**7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi kinh doanh chứng khoán

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	747.138.319	1.774.572.725
	17.753.500	182.366.026
	56.000	-
	54.310.000	173.939.981
	<b>819.257.819</b>	<b>2.130.878.732</b>

**7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Chi phí lãi vay
- Lỗ kinh doanh chứng khoán
- Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh
- Phí môi giới bán chứng khoán

**Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	54.293.438	-
	574.710.000	1.223.810.000
	358.100	(75.895.489)
	23.172.014	59.016.042
	<b>652.533.552</b>	<b>1.206.930.553</b>

**7.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
976.043.828	527.662.241
9.260.000	-
271.760.388	233.440.894
<b>1.257.064.216</b>	<b>761.103.135</b>

**7.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu
- Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ
- Thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
2.800.630.486	3.081.188.435
130.342.882	79.099.403
11.189.393	61.074.984
326.648.252	1.287.782.009
116.318.615	64.904.275
27.861.179	78.402.948
602.450.963	729.832.675
386.222.932	306.460.231
<b>4.401.664.702</b>	<b>5.688.744.954</b>

**7.7 THU NHẬP KHÁC**

- Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ
- Khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
653.461.481	97.030.923
-	19.642.574
<b>653.461.481</b>	<b>116.673.497</b>

**7.8 CHI PHÍ KHÁC**

- Thanh lý công cụ dụng cụ
- Phạt vi phạm hành chính
- Chi phí thuế cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2024
- Chi phí khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
124.194.442	159.803.690
15.230.384	-
57.737.000	-
1.219.610.269	181.710
<b>1.416.772.095</b>	<b>159.985.400</b>

**7.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

**Cộng***Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN
  - + Các khoản điều chỉnh tăng
  - + Các khoản điều chỉnh giảm
- Chuyển lỗ các năm trước
- Tổng thu nhập chịu thuế
- Thu nhập miễn thuế
- Thu nhập tính thuế
- Thuế TNDN hiện hành
  - + Thuế TNDN theo thuế suất thông thường

Năm nay	Năm trước
219.676.347	148.299.189
<b>219.676.347</b>	<b>148.299.189</b>

Năm nay	Năm trước
710.375.531	(468.002.281)
405.815.704	1.391.894.254
(17.753.500)	(182.366.026)
-	-
1.098.437.735	741.495.947
(56.000)	-
1.098.381.735	741.495.947
219.676.347	148.299.189
219.676.347	148.299.189

**7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

- Chi phí/ (Hoàn nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời
- Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
(32.922.505)	(19.764.634)
-	446.102.569
<b>(32.922.505)</b>	<b>426.337.935</b>

**7.11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông
- Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (ước tính)
- Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
493.969.100	(1.020.755.845)
-	-
3.041.542	3.041.542
<b>162</b>	<b>(336)</b>

**7.12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông  
 Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (ước tính)  
 Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm  
**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Năm nay	Năm trước
493.969.100	(1.020.755.845)
-	-
3.041.542	3.041.542
<b>162</b>	<b>(336)</b>

**7.13 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu  
 - Chi phí nhân công  
 - Chi phí khấu hao TSCĐ  
 - Chi phí dịch vụ mua ngoài  
 - Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

Năm nay	Năm trước
1.196.222.708	2.121.607.137
4.701.115.037	4.452.172.937
3.246.412.444	2.198.796.918
2.665.618.402	966.829.476
947.650.115	400.097.285
<b>12.757.018.706</b>	<b>10.139.503.753</b>

**8. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**8.1 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**

Không có khoản tiền và tương đương tiền lớn nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

**8.2 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Năm nay	Năm trước
-	7.437.830.866

**8.3 Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm nay	Năm trước
7.437.830.866	-

**9. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có

**9.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính 2024:** không có

**9.3 Thông tin về các bên liên quan**

**9.3.1. Bên có liên quan**

**Bên liên quan**

Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương  
 Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
 Cổ đông lớn, công ty liên kết của Công ty CP  
 Vật liệu và Xây Dựng Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**9 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC ( tiếp theo )**

**9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan**

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Hồng Châu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT)	14.165.900	29.942.000
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT	7.083.000	9.790.000
Bà Lâm Thị Mai	Thành viên HĐQT	7.083.000	14.972.000
Ông Phạm Thanh Liêm	Thành viên HĐQT	-	-
Bà Bùi Hoàì Châu	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Mai Anh	Thành viên HĐQT (đã mãn nhiệm)	7.083.000	14.972.000
Ông Lê Minh Hoàng	Thành viên HĐQT độc lập (đã mãn nhiệm)	7.083.000	9.790.000
Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát	7.083.000	9.790.000
Bà Phan Thị Thuyền Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	3.541.500	10.076.000
Ông Hồ Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	3.541.500	7.485.000
Ông Lâm Thành Lâm	Giám đốc Công ty	369.982.700	121.792.000
Ông Nguyễn Ngọc Nui	Giám đốc Công ty (đã mãn nhiệm)	-	251.804.900
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	259.663.317	233.895.000
<b>Cộng</b>		<b>686.309.917</b>	<b>714.308.900</b>

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương</b>			
	Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	7.862.242.707	18.700.000
	Đã thu tiền cung cấp dịch vụ	7.862.242.707	18.700.000
	Phải trả tiền mua vật liệu, hàng hoá và dịch vụ khác	21.421.723.665	1.468.845.861
	Đã trả tiền mua vật liệu, hàng hoá và dịch vụ khác	18.652.330.438	309.087.026
<b>Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ</b>			
	Phải trả tiền mua hàng	13.691.523.819	69.680.309
	Đã trả tiền mua hàng	8.397.476.303	5.275.042.791

- Tại ngày kết thúc năm tài chính 2024, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương</b>			
	Phải trả tiền mua hàng	3.930.591.082	1.161.197.855
<b>Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ</b>			
	Phải trả tiền mua hàng	5.327.492.814	33.445.298

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**  
Số 1/8 Quyết Thắng, P.Bình Thẳng, Dĩ An, Bình Dương  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**9.4 Thông tin về Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

**9.4.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:**

Công ty chỉ sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**9.4.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

**Kinh doanh hàng hóa, thành phẩm  
(gạch, đá, cát)**

Chỉ tiêu	Kinh doanh hàng hóa, thành phẩm (gạch, đá, cát)		Cung cấp dịch vụ		Tổng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>						
- Doanh thu	36.671.450.893	8.267.139.488	12.970.010.715	5.357.564.716	49.641.461.608	13.624.704.204
- Giảm trừ doanh thu	11.605.237	-	-	-	11.605.237	-
- Giá vốn	35.558.769.990	7.743.150.708	7.105.395.585	780.343.964	42.664.165.575	8.523.494.672
- Lợi nhuận gộp	1.101.075.666	523.988.780	5.864.615.130	4.577.220.752	6.965.690.796	5.101.209.532
<b>Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>						
- Chi phí khấu hao trong năm	868.207.706	957.992.896	2.420.740.586	152.659.416	3.288.948.292	1.110.652.312
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong năm	381.272.713	272.397.987	85.216.012	-	466.488.725	272.397.987





**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON**  
Số 1/8 Quyết Thắng, P. Bình Thắng, Dĩ An, Bình Dương  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**9. 2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: (tiếp theo)**

**Kinh doanh hàng hóa, thành phẩm  
(gạch, đá, cát)**

Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm		Cung cấp dịch vụ		Tổng	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản bộ phận</b>								
Tài sản cố định hữu hình	18.782.782.328	19.322.082.478	62.390.897.201	2.876.880.526	81.173.679.529	22.198.963.004		
Nguyên giá	(13.048.322.622)	(12.536.684.776)	(3.997.395.591)	(2.246.517.898)	(17.045.718.213)	(14.783.202.674)		
Hao mòn lũy kế	5.734.459.706	6.785.397.702	58.393.501.610	630.362.628	64.127.961.316	7.415.760.330		
Giá trị còn lại								



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

( Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác )

**9.7 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	26,5%	82,8%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	73,5%	17,2%
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	41,7%	16,2%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	58,3%	83,8%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	0,21	0,30
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,52	4,35
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,64	5,38
<b>Tỷ suất sinh lợi</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	1,43%	-3,43%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,06%	-7,65%
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	0,89%	-0,7%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	0,66%	-1,7%
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân</b>			
	%	0,96%	-1,8%

**9.8 ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA NĂM NAY:** Không có

**9.9 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**9.10 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Bình Dương, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG**



**LÂM THÀNH LÂM**